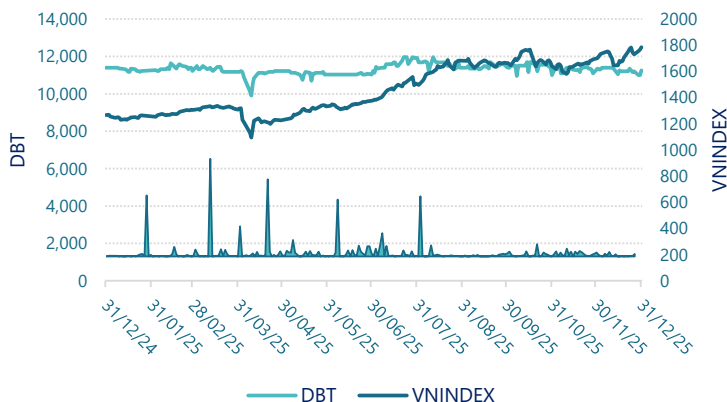




CTCP Dược phẩm Bến Tre (HSX: DBT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,963
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,907
SL cổ phiếu LH	21,967,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,070
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	247
P/E	17.6
EPS	639

DT thuần

Q4/25

279

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 102 | 57.6%

YoY: ▲ 21.0 | 8.1%

LN sau thuế

Q4/25

3.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.58 | 438%

YoY: ▼ 1.41 | -30.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

7.5%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2025

860

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.00 | -0.9%

LN sau thuế

2025

14.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.90 | 16.0%

ROE

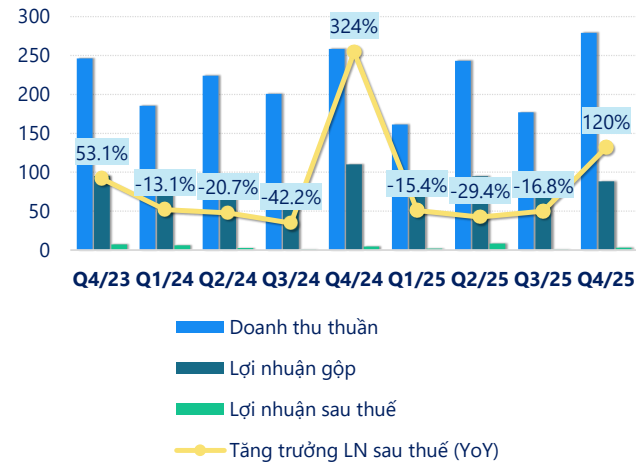
2025

4.9%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

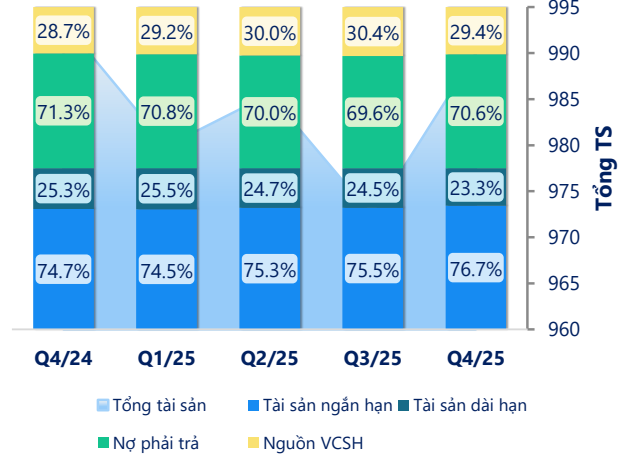
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

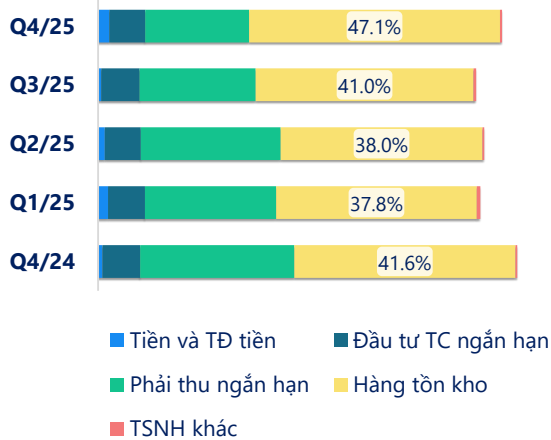
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



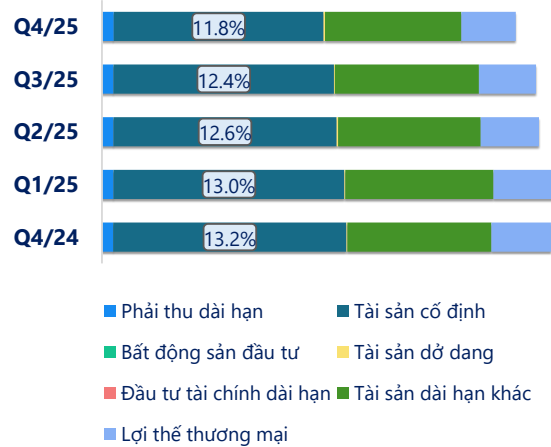
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

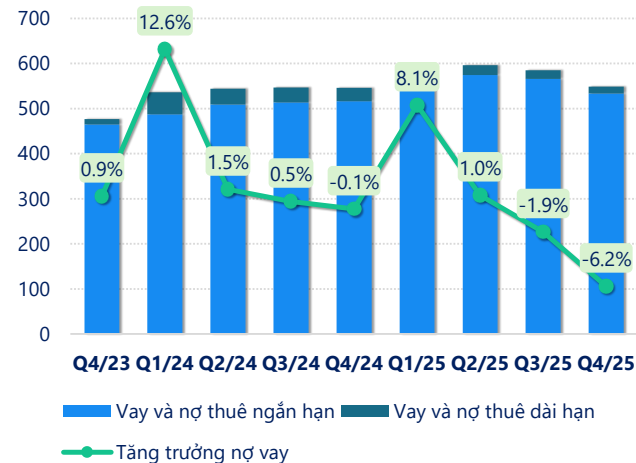
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

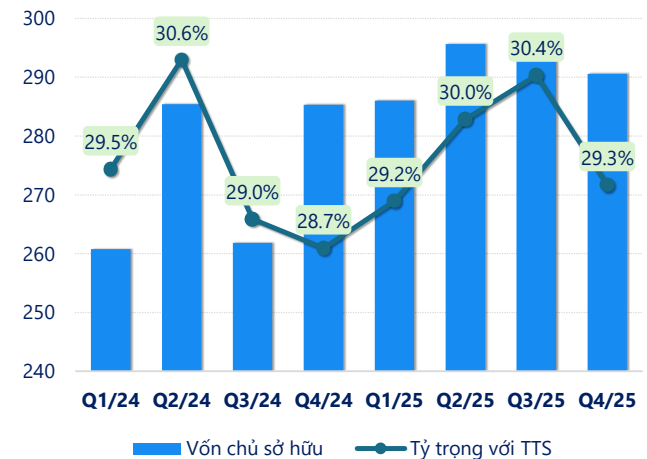
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

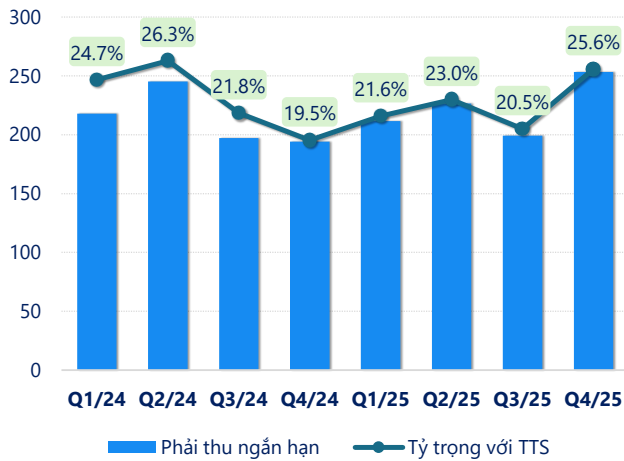
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



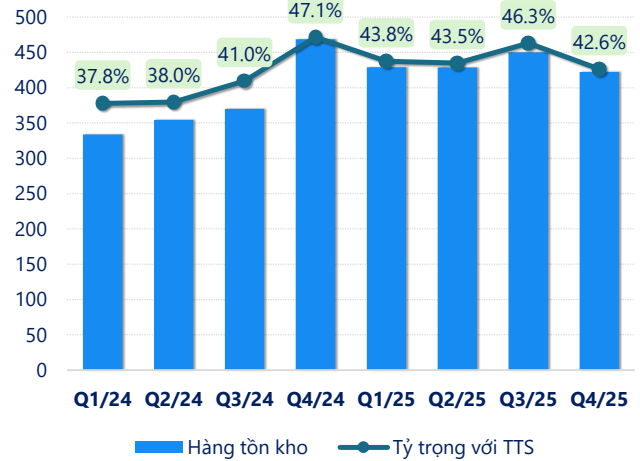
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


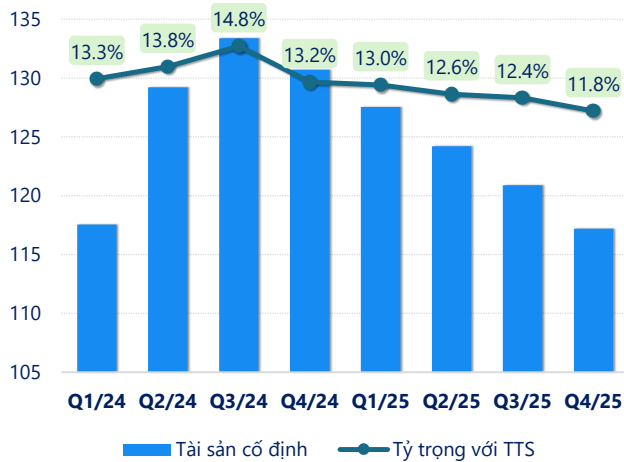
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


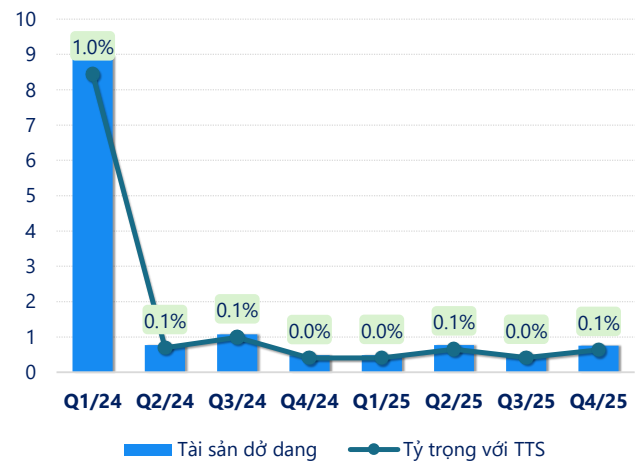
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

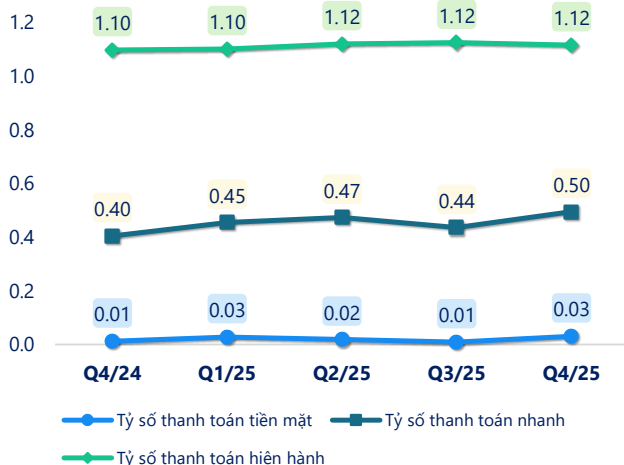
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

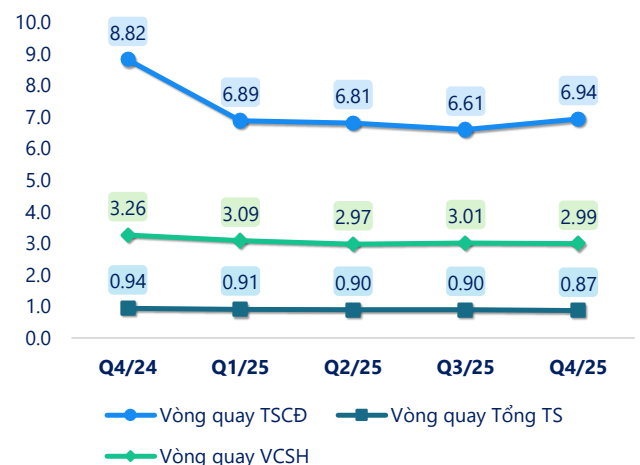
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	993	980	986	972	990
Tài sản ngắn hạn	742	730	743	734	759
Tiền và tương đương tiền	7.86	18.5	12.4	5.90	20.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.4	64.4	68.0	70.9	57.6
Phải thu ngắn hạn	194	211	226	199	253
Hàng tồn kho	468	429	429	450	422
Tài sản ngắn hạn khác	4.09	6.86	7.04	8.02	4.97
Tài sản dài hạn	252	250	243	238	231
Phải thu dài hạn	6.34	6.42	6.33	6.36	6.57
Tài sản cố định	131	128	124	121	117
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.48	0.48	0.77	0.48	0.76
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	80.8	82.0	79.3	79.1	76.3
Lợi thế thương mại	33.3	33.4	32.4	31.3	30.3
Nợ phải trả	708	694	690	676	699
Nợ ngắn hạn	676	663	663	653	680
Vay và nợ thuê ngắn hạn	516	564	574	566	534
Phải trả người bán ngắn hạn	117	74.9	59.8	63.0	94.9
Nợ dài hạn	32.1	30.8	26.7	23.7	19.2
Vay và nợ thuê dài hạn	30.0	26.2	22.1	19.3	14.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	285	286	296	296	291
Vốn chủ sở hữu	285	286	296	296	291
Vốn điều lệ	205	205	205	220	220
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05

(Nguồn: fireant.vn)